

BÁO CÁO THỰC HIỆN THU, CHI TÀI CHÍNH
NĂM 2023

B. NGUỒN THU TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD DỊCH VỤ, KHÁC

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dự toán được giao	Số thu trong năm	Số nộp thuế (GTGT)	Giảm trừ doanh thu	Số được sử dụng	Số đã chi phục vụ hoạt động	Thặng dư	Ghi chú
A	B	1	2	3	4		5=1+3-4	6	7=5-6	8
I	Thu phí	0	0	0	0		0	0	0	
1	Phí..						0		0	
2	Phí..						0		0	
II	Thu giá dịch vụ	0	0	90.475.832.440	49.044.719	177.587.450	90.249.200.272	79.528.549.484	10.720.650.788	
1	Thu từ KCB-BHYT	0	0	76.812.040.467			76.812.040.467		76.812.040.467	
	- Thu tại Đơn vị			76.342.715.549			76.342.715.549		76.342.715.549	
	- Thu tại Trạm Y tế			469.324.918			469.324.918		469.324.918	
2	Thu CT ARV			45.941.948			45.941.948		45.941.948	
3	Thu giá DV không BHYT			11.987.555.860			11.987.555.860		11.987.555.860	
4	Thu liên doanh, liên kết			389.967.152			389.967.152		389.967.152	
5	Thu nhà thuốc			170.919.944	26.273.245		144.646.700		144.646.700	
6	Thu căng tin			139.719.869	8.460.975		131.258.894		131.258.894	
7	Thu khác (coi xe, đào tạo, sao bệnh án, số khám bệnh,...)			915.522.200	14.310.499	177.587.450	723.624.251		723.624.251	
8	Thu hoạt động khác (bò sung quỹ PTSN)			14.165.000			14.165.000		14.165.000	
III	Thu từ các hoạt động khác (thu DV Covid từ nguồn quỹ CCTL)			3.263.984.072			3.263.984.072		3.263.984.072	
IV	Thu từ hoạt động tài chính			93.739.816.512	49.044.719	177.587.450	93.513.184.344	79.528.549.484	13.984.634.860	
	Tổng (II+III)			97.733.914			97.733.914	4.686.248	93.047.666	
V	Nguồn từ KL, thanh tra, các khoản thu khác			595.815.494			595.815.494		595.815.494	
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V)	0	0	94.433.365.920	49.044.719	177.587.450	94.206.733.752	79.533.235.732	14.673.498.020	

Kế toán trưởng

Thái Bình, ngày 31 tháng 01 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Bội

To Tài Thu Ks

Đơn vị: BVĐK huyện Tiên Hải

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng



STT	Nội dung	Kinh phí NS cấp chi tự chủ	Kinh phí NS cấp chi không tự chủ	Chi từ nguồn thu được để lại (DVYT; DV khác; Nguồn thu khác)	Tổng cộng
I	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	0			
Nhóm I	Chi thanh toán cho cá nhân	0		32.827.419.724	32.827.419.724
6000	Tiền lương			14.922.464.657	14.922.464.657
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng			960.056.500	960.056.500
6100	Phụ cấp lương			13.192.164.736	13.192.164.736
6300	Các khoản đóng góp			3.752.733.831	3.752.733.831
Nhóm II	Chi về hàng hoá, dịch vụ	0		45.710.222.339	45.710.222.339
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng			2.355.979.219	2.355.979.219
6550	Vật tư văn phòng			1.220.737.450	1.220.737.450
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			161.387.258	161.387.258
6650	Hội nghị				0
6700	Công tác phí			103.305.352	103.305.352
6750	Chi phí thuê mướn			1.019.021.500	1.019.021.500
6900	Sửa chữa TS phục vụ công tác CM và duy tu, bảo dưỡng các công trình			211.793.240	211.793.240
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			40.637.998.320	40.637.998.320
Nhóm III	Các khoản chi khác	0		990.907.421	990.907.421
7750	Chi khác			990.907.421	990.907.421
	Tổng cộng	0	0	79.528.549.484	79.528.549.484

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN TIỀN HẢI
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ
NĂM 2023

Thông tin chung		Biên chế được giao		Tổng số	Biên chế	Hợp đồng có đồng BHXH
Chỉ tiêu lao động 2023		173		253	144	109
Tổng quỹ lương ngạch bậc, chức vụ năm 2023				15.507.191.657	10.339.044.533	5.168.147.124

STT		Nội dung	Số dư đầu năm	Điều chỉnh số dư đầu năm	Số trích lập trong năm	Cộng	Số đã sử dụng trong năm	Số dư chuyển năm sau
A		B	1	2	3	4=1+2+3	5	6=4-5
I		Thặng dư			14.673.498.020	14.673.498.020		14.673.498.020
II		Các quỹ (các quỹ trích lập và sử dụng)	22.176.395.268	0	14.673.498.020	36.849.893.288	18.019.382.997	18.830.510.291
1		Cải cách tiền lương	16.283.954.910		0	16.283.954.910	3.814.429.072	12.469.525.838
2		Quỹ Khen thưởng	142.629.934		405.233.000	547.862.934	219.056.000	328.806.934
3		Quỹ Phúc lợi	464.612.472		3.500.874.450	3.965.486.922	3.141.382.345	824.104.577
4		Quỹ Bảo sung thu nhập			4.798.990.000	4.798.990.000	2.880.512.000	1.918.478.000
5		Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp (4314)	5.285.197.952	0	5.968.400.570	11.253.598.522	7.964.003.580	3.289.594.942

Thái Bình, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Bội